

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH VĨNH LONG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 220/2019/NQ-HĐND

Vĩnh Long, ngày 06 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm
nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 14

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Khoản 2, Điều 17 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP, ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP, ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg, ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng;

Căn cứ Thông tư số 152/2016/TT-BTC, ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng;

Căn cứ Thông tư số 43/2017/TT-BTC, ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Thông tư số 08/2019/TT-BTC, ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 97/2018/NQ-HĐND ngày 01/02/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành quy định chính sách hỗ trợ đầu tư của tỉnh Vĩnh Long;

Xét Tờ trình số 192/TTr-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản (sau đây gọi chung là sản phẩm nông nghiệp), áp dụng đối với các sản phẩm: Lúa, Khoai Lang, Bưởi 5 Roi, Bưởi Da Xanh, Cam sành, Nhãn, Sầu Riêng, Chôm chôm, Xoài, Thanh Long, Xà lách xoong, Cây Lác, Nấm rơm, Rau thực phẩm; Heo, Bò, Vịt trứng, Gà thả vườn; Cá Tra, Rô phi, Điều hồng, thủy đặc sản.

b) Các nội dung không quy định trong Nghị Quyết này thì được áp dụng theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP, ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (gọi tắt là Nghị định số 98/2018/NĐ-CP).

2. Đối tượng áp dụng

a) Nông dân, chủ trang trại, người được ủy quyền đối với hộ nông dân, tổ hợp tác (sau đây gọi chung là nông dân).

b) Cá nhân, người được ủy quyền đối với nhóm cá nhân, hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh (sau đây gọi chung là cá nhân).

c) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi chung là hợp tác xã).

d) Doanh nghiệp.

đ) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nội dung chính sách hỗ trợ

a) Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết

Thực hiện theo khoản 1 Điều 7 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP, như sau:

- Chủ trì liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết, tối đa không quá 300 triệu đồng, bao gồm tư vấn, nghiên cứu để xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường.

- Nguồn kinh phí, mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ thực hiện theo các kế hoạch, chương trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác.

b) Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết

Thực hiện theo khoản 1 Điều 8 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP, như sau:

- Dự án liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 30% vốn đầu tư máy móc trang thiết bị; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết bao gồm: nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Tổng mức hỗ trợ không quá 10 tỷ đồng.

- Nguồn kinh phí, mức hỗ trợ thực hiện theo các kế hoạch, chương trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư và nguồn vốn từ các chương trình, dự án hợp pháp khác.

c) Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông

Thực hiện theo quy định tại Điểm a, c, d, đ, e khoản 1 Điều 29 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP, ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông và khoản 2 Điều 14 Nghị quyết số 97/2018/NQ-HĐND ngày 01/02/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành quy định chính sách hỗ trợ đầu tư của tỉnh Vĩnh Long, như sau:

- Mô hình trình diễn ở địa bàn khó khăn, địa bàn bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch hại, biến đổi khí hậu theo công bố của cấp có thẩm quyền được hỗ trợ 100% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình. Mô hình trình diễn ở địa bàn đồng bằng được hỗ trợ 50%;

- Mô hình ứng dụng công nghệ cao được hỗ trợ 40% tổng kinh phí thực hiện, tối đa 400 triệu đồng/mô hình;

- Mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp được hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện, tối đa 100 triệu đồng/mô hình;

- Hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh khi tham gia xây dựng mô hình trình diễn, tối đa 200 triệu đồng/cơ sở.

Nguồn kinh phí, cơ chế hỗ trợ thực hiện theo quy định hiện hành đang thực hiện của chương trình, dự án về khuyến nông tại địa phương.

d) Hỗ trợ đào tạo, tập huấn kỹ thuật

- Hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn: Thực hiện theo Điều 5 Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg, ngày 28/9/2015 của Thủ tướng chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng và Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 152/2016/TT-BTC, ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng, như sau:

+ Hỗ trợ tiền ăn 30.000 đồng/người/ngày thực học, tiền đi lại 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên.

+ Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ: mức hỗ trợ tiền đi lại 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên.

- Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật, nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường: Thực hiện theo điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư số 43/2017/TT-BTC, ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020, như sau:

Hỗ trợ 100% chi phí tài liệu, tiền ăn, nơi ở, đi lại theo quy định hiện hành cho các đối tượng tham dự tập huấn kỹ thuật, nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường.

Nguồn kinh phí, cơ chế hỗ trợ thực hiện theo quy định của chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn, chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đối với hợp tác xã và các chương trình dự án hợp pháp khác.

đ) Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của hợp tác xã

Thực hiện theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 Thông tư số 08/2019/TT-BTC, ngày 30/01/2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020, như sau:

- Hỗ trợ 100% chi phí mua bao bì, nhãn mác sản phẩm; 100% chi phí mua giống và các vật tư thiết yếu (bao gồm: các loại phân bón, hóa chất, thức ăn chăn nuôi) ở địa bàn khó khăn, huyện nghèo; Hỗ trợ 50% chi phí mua giống và vật tư thiết yếu ở địa bàn đồng bằng.

- Nguồn kinh phí, cơ chế hỗ trợ thực hiện theo quy định từ nguồn chi các hoạt động kinh tế của Chương trình, lồng ghép từ các Chương trình mục tiêu, Chương trình, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

e) Hỗ trợ chi phí chuyên giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.

Thực hiện theo Điểm d khoản 1 Điều 9 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP, như sau:

- Ngân sách hỗ trợ tối đa 40% chi phí chuyên giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.

- Nguồn kinh phí, mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ thực hiện theo quy định của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và nguồn vốn từ các chương trình, dự án hợp pháp khác.

4. Hồ sơ và trình tự thủ tục hỗ trợ liên kết: Thực hiện theo Điều 12 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP.

5. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long Khóa IX, Kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 16 tháng 12 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc Hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra VBQPPL);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Vĩnh Long;
- TT.Tỉnh ủy, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Công báo tỉnh; Trang tin HĐND;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Đã ký: Bùi Văn Nghiêm